

Số: 86/2022/QĐST-HNGĐ

L, ngày 04 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 175/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Lệ D, sinh năm 1967.

Bị đơn: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 59; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Vũ Thị Lệ D và ông Phạm Văn M thuận tình ly hôn.

2. Về tài sản chung: Bà Vũ Thị Lệ D và ông Phạm Văn M thỏa thuận:

Ông Phạm Văn M sử dụng diện tích đất 389,5m² ở thôn C, xã S, huyện L, được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN:CS 08545, quyền sở địa chính số 42 trang 28 ngày 07/8/2020 cấp cho hộ ông Phạm Văn M (có sơ đồ kèm theo). Tài sản trên đất có 01 nhà, 01 bếp, mái tôn.

Ông Phạm Văn M sử dụng diện tích đất 1072,8m² (trong đó 60m² đất ở, 1012,8m² đất trồng cây lâu năm (có sơ đồ kèm theo) địa chỉ thôn C, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS 08083, quyền số địa chính số 39, trang 138 vào ngày 30/9/2019 mang tên ông Phạm Văn M, sinh năm 1964 và vợ là Vũ Thị Lệ D, sinh năm 1967.

Bà Vũ Thị Lệ D được sử dụng diện tích đất 121m² ở thôn C, xã S, huyện L, Bắc Giang, được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN:CS 08546, quyền số địa chính số 42 trang 28 ngày 07/8/2020 cấp cho hộ ông Phạm Văn M

Bà Vũ Thị Lệ D được sử dụng diện tích đất 1072,7m² (trong đó 60m² đất ở, 1012,7m² đất trồng cây lâu năm) – (có sơ đồ kèm theo) ở thôn C, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS 08083, quyền số địa chính số 39, trang 138 vào ngày 30/9/2019 mang tên ông Phạm Văn M, sinh năm 1964 và vợ là Vũ Thị Lệ D, sinh năm 1967.

Ông Phạm Văn M phải trích chia phần giá trị chênh lệch cho bà Vũ Thị Lệ D bằng tiền, số tiền **1.239.251. 000đ (Một tỷ hai trăm ba mươi chín triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng).**

Vậy: **Tổng trị giá tài sản ông M được hưởng: 2.495.488.000đ (Hai tỷ bốn trăm chín mươi năm triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng).** **Tổng trị giá tài sản bà D được hưởng: 2.495.465.000đ (Hai tỷ bốn trăm chín mươi năm triệu bốn trăm sáu mươi năm nghìn đồng).**

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí:

Ông Phạm Văn M phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 40.954.500đồng tiền án phí chia tài sản.

Bà Vũ Thị Lệ D phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 40.954.500đồng tiền án phí chia tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 30.300.000 đồng bà D đã nộp theo biên lai thu số 0010327 ngày 03/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, bà Vũ Thị Lệ D phải nộp thêm số tiền 10.729.500 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9, 7a và 7b Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện L;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện L;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Linh

